

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10
TỈNH LÂM ĐỒNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2025/DS - ST

Ngày: 26/8/2025

(V/v: *Hợp đồng cầm cố*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Bính .
2. Bà: Lương Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 260/2025/TLST- DS ngày 09/4/2025 “ *V/v: Hợp đồng cầm cố*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST – DS ngày 05/8/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: G, T, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ A, khu phố B, phường P, tp ., tỉnh Bình Thuận (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng).

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo bản tự khai ngày 25/4/2025, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

Ngày 03/5/2023, ông Nguyễn Ngọc T1 có đến Chi nhánh Công ty Cổ Phần S Có Ngay tại địa chỉ số E, đường T, phường H (nay là phường B), thành phố P, tỉnh Bình Thuận để ký Hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số PHM230501001 NA20X được ký giữa các bên ngày 03/5/2023, số đăng ký Giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp: 1487120524 theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>, ông Nguyễn Ngọc

T1 ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe gắn máy BKS:86C2 -007.19; Nhân hiệu: SUZUKI; số loại: FU15FI; số khung: RLSDL11ANLV140971; số máy: CGA1541016; Giấy chứng nhận đăng ký số 002720 do phòng cảnh sát giao thông - Công An Tỉnh B cấp ngày 12/8/2022. Để lấy số tiền là 17.600.000 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (03/5/2023 đến 03/5/2024) với mức lãi suất là 1,1%/tháng; phí quản lý hồ sơ: 0.5% /tháng; phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản khi mượn lại xe đúng hạn là 2% (352.000 đồng), trễ hạn là 3% (528.000đồng), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Số tiền trên ông Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán vào ngày 03 hàng tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền 17.600.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc T1. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Nguyễn Ngọc T1 mượn lại xe để sử dụng, trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe là từ ngày 03/5/2023 đến 03/6/2023, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần S, ông Nguyễn Ngọc T1 có cam kết rõ trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Quá trình trả nợ, từ khi nhận tiền của Công ty chúng tôi cho đến nay ông T1 chỉ mới thanh toán cho công ty T2 tiền là 13.832.000 đồng. Trong đó tiền gốc là: 9.859.943 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.036.789 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 471.268 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản khi mượn lại xe 7 kỳ đúng hạn là: 2.464.000 đồng. Sau đó không trả nữa. Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Nguyễn Ngọc T1 nhưng ông T1 vẫn không thanh toán. Công ty chúng tôi đã tạo điều kiện về thời gian để ông T1 trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty chúng tôi, nhưng ông T1 không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty chúng tôi. Nay Công ty Cổ Phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tuyên buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả nợ tạm tính đến ngày 04/01/2025 số tiền tổng cộng là 12.317.965 đồng. Trong đó: tiền gốc là: 7.740.057 đồng; tiền lãi trong hạn 258.209 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định là 117.368 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản khi mượn lại xe 5 kỳ trễ hạn là 2.640.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 1.562.330. Ngoài ra ông T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và đơn xin xử vắng mặt ngày 26/8/2025 như sau: Công ty chỉ yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho công ty số tiền tính tới ngày 26/8/2025 gồm nợ gốc và lãi là 10.556.741 đồng, trong đó gồm nợ gốc 7.740.057 đồng, lãi trong hạn 258.209 đồng, lãi suất quá hạn 2.558.475 đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn (nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt).

*Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có nơi cư trú tại tổ A, khu phố B, phường P, tp ., tỉnh Bình Thuận (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng). Do ông T1 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: “thông báo thụ lý vụ án”, “thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải”, “thông báo kết quả phiên họp”, “quyết định đưa vụ án ra xét xử”, “quyết định hoãn phiên tòa” theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân

theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay. Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 10.556.741 đồng, trong đó gồm nợ gốc 7.740.057 đồng, lãi trong hạn 258.209 đồng, lãi suất quá hạn 2.558.475 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có nơi cư trú tại tổ A, khu phố B, phường P, tp ., tỉnh Bình Thuận (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng). Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt, phía nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Ngọc T1 có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 (đổi tên là Công Ty Cổ Phần S Có Ngay) theo Hợp đồng cầm cố số PHM230501001 NA20X ngày 03/5/2025.

Tài sản cầm cố như sau: 01 xe gắn máy BKS:86C2 -007.19, Giấy chứng nhận đăng ký số 002720 do phòng cảnh sát giao thông - Công An Tỉnh B cấp ngày 12/8/2022; Số tiền cầm cố: 17.600.000 đ; Thời hạn cầm cố: 12 tháng từ ngày 03/5/2023 đến 03/5/2024; Mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân 03/5/2023. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất: 1.1%/tháng, Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ Hợp đồng cầm cố số PHM230501001 NA20X ngày 03/5/2025, Công ty Cổ phần S Có Ngay đã giải ngân cho ông T1 số tiền là: 17.600.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 13.832.000 đồng. Trong đó tiền gốc là: 9.859.943 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.036.789 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 471.268 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản khi mượn lại xe 7 kỳ đúng hạn là: 2.464.000 đồng, từ ngày 03/01/2024 ông T1 không trả nữa.

Mặc dù, Công ty Cổ phần S Có Ngay đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông T1 có thời gian thu xếp trả nợ nhưng ông T1 vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 26/8/2025, ông T1 còn nợ Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 10.556.741 đồng, trong đó gồm nợ gốc 7.740.057 đồng, L trong hạn 258.209 đồng, Lãi suất quá hạn 2.558.475 đồng.

Xét thấy, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng quy định tại Điều 4, Điều 6 của Hợp đồng cầm cố số PHM230501001 NA20X ngày 03/5/2023 và phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 01/3/2023 nên Công Ty Cổ Phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả nợ cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay với số tiền là 10.556.741 đồng, trong đó tiền gốc là 7.740.057 đồng, lãi trong hạn 258.209 đồng, lãi suất quá hạn 2.558.475 đồng thì yêu cầu này phù hợp đúng theo quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T1 đã mượn lại xe theo giấy mượn xe ngày 03/5/2023. Nay Công Ty Cổ Phần S Có Ngay không yêu cầu giải quyết về việc đòi lại tài sản đối với chiếc xe ông T1 đã cầm cố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 03 Điều 26, khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Luật Tổ tụng dân sự;

- Điều 309, Điều 310, Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Luật thi hành án.

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty Cổ Phần S Có Ngay.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền là 10.556.741đ (Mười triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng), trong đó tiền gốc là 7.740.057đ (bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn không trăm năm mươi bảy đồng, lãi trong hạn 258.209đ (hai trăm năm mươi tám ngàn hai trăm lẻ chín đồng, lãi suất quá hạn 2.558.475đ (hai triệu năm trăm năm tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/Án phí: ông Nguyễn Ngọc T1 nộp 528.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền 308.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003087 do Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết thu ngày 03/4/2025 (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà